# 晨起习惯/日常 (morning routine)

1. 听一听，说一说。(Listen and speak.)
2. 把对应的词语和图片连接起来。(Connect the words with the correct pictures.)

chuān wà zi
穿 袜子

qù shàng xué
去 上 学

xǐ liǎn
洗 脸

chuān yī fú
穿 衣服

shuā yá
刷 牙

qǐ chuáng
起 床

chuān xié zi
穿 鞋子

chī zǎo cān
吃 早 餐

shū tóu
梳 头

LIVEWORKSHEETS